

Số: 70 /GPMT-STNMT-KSONMT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 04/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3596/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết và quyết định một số thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước, Môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 831/TB-STNMT-VP ngày 16/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phân công nhiệm vụ ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Môi trường, Tài nguyên nước, Khoáng sản và Thông báo số 864/TB-STNMT-VP ngày 23/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giải quyết và quyết định một số thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Xét văn bản số 963/2024/CV-BVĐKBV ngày 28/8/2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì về việc đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của Cơ sở "Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì"; Văn bản số 1225/CV-BVĐKBV ngày 16/10/2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì về việc bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở; Văn bản số 2102/2025/ CV-BVĐKBV ngày 21/02/2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì về việc bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở "Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Kiểm soát ô nhiễm môi trường tại Báo cáo số 114/BC-KSONMT ngày 24/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì tại: thôn Đồng Bảng, xã Đồng Thái, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở: “Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: “Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì”.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Đồng Bảng, xã Đồng Thái, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.
- 1.3. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 026/SYT-GPHĐBV/CL1 do Sở Y tế thành phố Hà Nội cấp ngày 23/10/2023.
- 1.4. Mã số thuế: 0500475033.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Y tế.
- 1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:
 - Diện tích xây dựng khoảng 10.360m²;
 - Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 43.469m²;
 - Mật độ xây dựng khoảng 24,1%;
 - Tầng cao công trình: các tòa nhà cao từ 01 đến 08 tầng.

(Quy mô diện tích Bệnh viện theo Văn bản số 4222/QHKT-TMB-PAKT (KHTH) ngày 16/07/2018 của Sở Quy hoạch – Kiến trúc về việc chấp thuận điều chỉnh tổng mặt bằng và phương án kiến trúc)

- Công suất: Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì có quy mô 300 giường bệnh

(Theo Quyết định số 5732/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Mở rộng và nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II).

- Quy mô: Dự án nhóm B (theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công)

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp UBND huyện Ba Vì, các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./. *h*

Nơi nhận: *h*

- UBND Thành phố; (để b/cáo)
 - Giám đốc Sở;
 - PGĐ Sở Nguyễn Minh Tấn;
 - UBND Huyện Ba Vì;
 - Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì;
 - Công Thông tin điện tử Sở TNMT Hà Nội;
 - Phòng Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
 - Lưu: VT, KSONMT (Văn)
- Mã hồ sơ: H26.14-240910-0005.KSONMT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Tấn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(kèm theo Giấy phép môi trường số 70 /GPMT-STNMT-KSONMT ngày 25/02/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nhà 5 tầng

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt
- Nguồn số 02: Nước thải y tế
- Nguồn số 03: Nước thải từ hệ lọc RO

Nhà nghiệp vụ kỹ thuật và điều trị nội, ngoại trú (08 tầng + tum thang)

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt
- Nguồn số 05: Nước thải y tế

Nhà hậu cần 03 tầng

- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt
- Nguồn số 07: Nước thải y tế
- Nguồn số 08: Nước thải giặt là
- Nguồn số 09: Nước thải nhà bếp

Nhà khoa truyền nhiễm

- Nguồn số 10: Nước thải sinh hoạt
- Nguồn số 11: Nước thải y tế

Nhà Khoa y, dược cổ truyền

- Nguồn số 12: Nước thải sinh hoạt
- Nguồn số 13: Nước thải y tế

Nhà Khoa giải phẫu bệnh lý và Đại thể

- Nguồn số 14: Nước thải sinh hoạt
- Nguồn số 15: Nước thải y tế

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

01 dòng nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 500m³/ngày đêm.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Công trình thủy lợi Kênh tưới TH3 chảy qua Bệnh viện, thuộc xã Đồng Thái, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Tại 01 điểm đầu nối vào Kênh tưới TH3 chảy qua Bệnh viện, thuộc xã Đồng Thái, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰ múi chiếu 3⁰):
X = 2347223; Y = 542268

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 235,5 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, K=1,0 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, K=1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5-8,5	Tần suất quan trắc 3 tháng/lần (*)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (**)
2	BOD ₅	mg/l	30		
3	COD	mg/l	50		
4	TSS	mg/l	50		
5	H ₂ S	mg/l	1,0		
6	Amoni	mg/l	5		
7	Nitrat	mg/l	30		
8	Photphat	mg/l	6		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	3000		
11	Salmonella	VK/100ml	KPH		
12	Shigella	VK/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	VK/100ml	KPH		

(*): Theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

(**): Theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

Thiết kế hệ thống thu gom nước thải của cơ sở riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

* Tại nhà 5 tầng:

- Nước thải từ nhà vệ sinh → Hệ thống đường ống D110 → Bể tự hoại 3 ngăn (1 bể với dung tích 30m³) → Hồ ga thu gom → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 500 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh → Hệ thống đường ống D110 → Hồ ga thu gom → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 500 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ hệ lọc RO → Hệ thống đường ống D110 → Hồ ga thu gom → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 500 m³/ngày.đêm.

* Tại nhà nghiệp vụ kỹ thuật và điều trị nội, ngoại trú (08 tầng + tum thang):

- Nước thải từ nhà vệ sinh → Hệ thống đường ống D110 → Bể tự hoại 3 ngăn (4 bể với dung tích 35 m³) → Hồ ga thu gom → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 500 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh → Hệ thống đường ống D110 → Hồ ga thu gom → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 500 m³/ngày.đêm.

* Tại nhà hậu cần 03 tầng:

- Nước thải từ nhà vệ sinh → Hệ thống đường ống D110 → Bể tự hoại 3 ngăn (2 bể với dung tích 30 m³) → Hồ ga thu gom → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 500 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh → Hệ thống đường ống D110 → hồ ga thu gom → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 500 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ khu vực giặt là → Bể gom → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 500 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ nhà bếp → Bể tách dầu mỡ → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 500 m³/ngày.đêm.

* Tại nhà khoa truyền nhiễm:

- Nước thải từ nhà vệ sinh → Hệ thống đường ống D110 → Bể tự hoại 3 ngăn (2 bể với dung tích 30 m³) → Hồ ga thu gom → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 500 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh → Hệ thống đường ống D110 → Hồ ga thu gom → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 500 m³/ngày.đêm.

* Tại nhà khoa y, dược cổ truyền:

- Nước thải từ nhà vệ sinh → Hệ thống đường ống D110 → Bể tự hoại 3 ngăn (1 bể với dung tích 5 m³) → Hồ ga thu gom → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 500 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh → Hệ thống đường ống D110 → hồ ga thu gom → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 500 m³/ngày.đêm.

* Tại nhà Khoa giải phẫu bệnh lý và Đại thể

- Nước thải từ nhà vệ sinh → Hệ thống đường ống D110 → Bể tự hoại 3 ngăn (1 bể với dung tích 5 m³) → Hồ ga thu gom → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 500 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh → Hệ thống đường ống D110 → Hồ ga thu gom → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 500 m³/ngày.đêm.

Thoát nước thải: Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500 m³/ngày đêm được bơm lên hồ ga thoát nước của Bệnh viện, sau đó tự chảy qua đường ống nhựa PVC D200 dài 45m vào kênh tưới TH3.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sơ bộ:

a. Bể tự hoại:

* Nhà 5 tầng: Bố trí 01 bể tự hoại 03 ngăn xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh

- Thể tích bể: 30 m^3 .

- Vị trí: Đặt ngầm dưới nhà vệ sinh của nhà 5 tầng.

* Nhà kỹ thuật nghiệp vụ và điều trị nội, ngoại trú: Bố trí 04 bể tự hoại 03 ngăn xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh

- Tổng thể tích bể: 35 m^3 .

- Vị trí: Đặt ngầm dưới nhà vệ sinh của nhà kỹ thuật nghiệp vụ và điều trị nội, ngoại trú.

* Nhà hậu cần (3 tầng): Bố trí 02 bể tự hoại 03 ngăn xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh

- Tổng thể tích bể: 30 m^3 .

- Vị trí: Đặt ngầm dưới nhà vệ sinh của nhà hậu cần (3 tầng).

* Nhà khoa truyền nhiễm: Bố trí 02 bể tự hoại 03 ngăn xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh

- Tổng thể tích bể: 30 m^3 .

- Vị trí: Đặt ngầm dưới nhà vệ sinh của nhà khoa truyền nhiễm.

* Nhà khoa y, dược cổ truyền: Bố trí 01 bể tự hoại 03 ngăn xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh

- Tổng thể tích bể: 5 m^3 .

- Vị trí: Đặt ngầm dưới nhà vệ sinh của nhà khoa y, dược cổ truyền.

* Nhà khoa giải phẫu bệnh lý và đại thể: Bố trí 01 bể tự hoại 03 ngăn xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh

- Tổng thể tích bể: 5 m^3 .

- Vị trí: Đặt ngầm dưới nhà vệ sinh của nhà khoa giải phẫu bệnh lý và đại thể

b. Bể tách mỡ: Bố trí 01 bể tách mỡ để xử lý nước thải nhà bếp.

- Thể tích: $3,6 \text{ m}^3$.

- Vị trí: đặt ngầm tại nhà bếp của nhà hậu cần.

c. Xử lý sơ bộ nước thải từ khu giặt là: Nước thải khu giặt là được thu gom về hệ thống thu gom chung tại tầng 1 của tòa nhà hậu cần sau đó thoát ra hố ga thu gom qua đường ống D200 với độ dốc $i=0,5\%$ về hệ thống xử lý nước thải tập công suất $500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải (sau xử lý sơ bộ) → Bể tách cát, rác → Bể trung hòa → Bể thiếu khí → bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể lọc → Bể khử trùng → thoát nước vào kênh tưới TH3.

- Công suất thiết kế: $500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (hệ thống xử lý gồm 05 module xử lý, mỗi module có công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$). Hiện tại Bệnh viện đang vận hành 02 Module và 03 Module để dự phòng trong trường hợp 02 Module đang hoạt động có sự cố.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, $\text{Ca}(\text{OCl})_2$.

- Vị trí: đặt tại khu đất phía Tây Nam Bệnh viện.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

+ Có biện pháp ứng phó sự cố kỹ thuật đối với hệ thống xử lý nước thải trong trường hợp hệ thống hoạt động không đạt yêu cầu hoặc ngừng hoạt động, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến các thiết bị, máy móc hoặc vận hành.

+ Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc thiết bị để có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời tránh xảy ra sự cố.

+ Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải; lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì thực hiện vận hành thử hệ thống xử lý nước thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể:

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm dự kiến: 03 tháng (bắt đầu từ tháng 03/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500 m³/ngàyđêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu nước thải đầu ra.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo các nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tuân thủ quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở đầu tư tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các thông số tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, chịu trách nhiệm hoàn toàn về trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải vượt giới hạn cho phép tại Giấy phép này.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để bảo đảm vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải an toàn và đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước thải;

- Thông báo thời điểm vận hành thử nghiệm tới cơ quan cấp phép theo quy định tại khoản 5 Điều 31 và thực hiện trách nhiệm trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 7 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả thải ra môi trường khi chưa đáp ứng quy định về xả thải theo yêu cầu quy định tại Phần A của Phụ lục này và phải thực hiện các biện pháp khắc phục, ứng phó sự cố về chất lượng nước thải sau xử lý.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**
(kèm theo Giấy phép môi trường số 70 /GPM-TSTNMT-KSONMT ngày 25/02/2025
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày.đêm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- 01 dòng khí thải từ ống dẫn khí thải uPVC D110, cao 3m (cao vượt mái nhà điều hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung khoảng 0,5m)

Tọa độ vị trí: X= 2346985; Y = 542317 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°).

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.400m³/h.

- Phương thức xả khí thải: Cường bức bằng quạt hút, liên tục 24/24h.

- Chất lượng khí thải trước khi xả thải vào môi trường đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn: QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội, với các hệ số K_p=1 (áp dụng với lưu lượng nguồn thải: P ≤ 20.000m³/h) và K_v=1,0 (áp dụng với các thông số: Amoniac và hợp chất amoni, Hydro sunfua tại khu vực huyện Ba Vì), QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	50 ⁽¹⁾	Không thuộc đối tượng (*)	Không thuộc đối tượng (**)
2	Hydro sunfua (H ₂ S)	mg/Nm ³	7,5 ⁽¹⁾		
3	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	15 ⁽²⁾		

Ghi chú:

(¹): Giá trị giới hạn theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT (K_p=1,0 và K_v=1,0)

(²): Giá trị giới hạn theo QCVN 20:2009/BTNMT.

(^{*}): Theo quy định tại Điều 98 và Phụ lục số XXIX của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

(^{**}): Theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom: khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom bằng đường ống thu khí thải, nhờ quạt hút về hệ thống xử lý khí (mùi). Khí sạch sau khi xử lý qua tháp hấp phụ (bằng than hoạt tính) được xả ra môi trường qua ống dẫn khí thải uPVC D110,

cao 3m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: khí thải phát sinh (mùi phát sinh) → Đường ống thu gom → Quạt hút → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 1.400m³/h.

- Tháp xử lý: Kích thước DxH = 1000 x 2500mm, vật liệu: Inox SUS 304.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ nhân viên có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra thiết bị xử lý mùi, theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải đúng quy trình và thu gom, xử lý khí thải phát sinh đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phân A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu sử dụng để vận hành hệ thống thu gom, xử lý khí thải an toàn và đạt quy chuẩn về chất lượng khí thải theo quy định.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(kèm theo Giấy phép môi trường số 70/GPMT-STNMT-KSONMT ngày 25/02/2025
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy thổi khí tại khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01:
 - + Vị trí: Khu vực Hệ thống xử lý nước thải tập trung.
 - + Tọa độ: X = 2345986 ; Y = 542314.
- Nguồn số 02:
 - + Vị trí: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.
 - + Tọa độ: X = 2347008; Y = 542450.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	55	45	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các thiết bị lắp đặt tại Hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.
- Công trình biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung (máy thổi khí,...) phải được kê các đệm chân để máy để hạn chế độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG
(kèm theo Giấy phép môi trường số 70/GPMT-STNMT-KSONMT ngày 25/02/2025
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng trung bình năm dự kiến (kg)
1.	Rác thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	28.668
2.	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	16
3.	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	08 02 04	50
4.	Pin, ắc quy thải	16 01 12	14
5.	Chất hấp phụ, giẻ lau, vật liệu lọc bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	50
6.	Chất thải có chứa thành phần nguy hại	13 01 02	100
7.	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (nhiệt kế,...)	13 03 02	5
8.	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	20
9.	Bao bì cứng bằng nhựa thải	18 01 03	25
10.	Chất hàn răng almagam thải	13 01 04	10
11.	Dầu mỡ bôi trơn	17 02 03	10
12.	Than hoạt tính thải ra từ quá trình xử lý khí thải	12 01 01	172
Tổng cộng			29.140

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 789 kg/ngày (tương đương 288 tấn/năm).

1.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

Tổng khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh khoảng 10,9 kg/ngày (tương đương 3,98 tấn/năm).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: chứa trong thùng rác nhựa màu vàng
- Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: chứa trong thùng rác nhựa có lót túi và có màu vàng;
- Chất thải giải phẫu và chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: chứa trong thùng rác nhựa có lót túi và có màu vàng;
- Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn: chứa trong thùng rác nhựa có lót túi và có màu đen.
- Bùn thải từ công trình xử lý nước thải: Lưu giữ tại bể (ngăn) chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải, định kỳ thu gom xử lý (từ 6 tháng - 1 năm/lần tùy thuộc vào công suất vận hành thực tế của hệ thống xử lý nước thải).

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho chất thải nguy hại: Diện tích 19m². Thiết kế, cấu tạo: xây dựng bằng BTCT bao quanh và mái che bằng bê tông, nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có biển báo và dán nhãn theo quy định. Trong kho chứa bố trí 15 thùng chứa loại 240 lít.

- Vị trí kho tại khu nhà rác phía Đông Bắc Bệnh viện.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Khu vực phòng khám, chữa bệnh: Chất thải được thu gom bằng các thùng dung tích 25 lít (thùng màu xanh chứa chất thải không sử dụng để tái chế, thùng màu trắng chứa chất thải sử dụng để tái chế), có nắp đậy.

- Khu vực hành lang và khu vực công cộng chung: Chất thải được thu gom bằng các thùng dung tích 120 lít (thùng màu xanh chứa chất không sử dụng để tái chế, thùng màu trắng chứa chất thải sử dụng để tái chế), có nắp đậy.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

a. Kho chất thải rắn sinh hoạt: Diện tích 25m².

- Thiết kế, cấu tạo: có mái che kín tránh nắng và nước mưa, có biển báo đầy đủ. Trong kho bố trí 03 xe rác 500 lít, 08 thùng chứa rác dung tích 240 lít.

- Vị trí kho tại phía Đông Bắc Bệnh viện.

- Vị trí kho tại khu nhà rác phía sau đơn nguyên 1.

b. Kho chất thải rắn thông thường tái chế: Diện tích 18 m².

- Thiết kế, cấu tạo: có mái che, nền bê tông, tường bao quanh. Trong kho bố trí 03 thùng nhựa màu trắng 240 lít, lót túi nilon màu trắng và các bao bì chứa.

- Vị trí kho: Tại gần khu nhà truyền nhiễm cũ.

2.2.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ nghiêm túc việc phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở.

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện các biện pháp an toàn bức xạ, quản lý và xử lý chất thải nhiễm xạ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018) của Liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố do hóa chất, dịch bệnh theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(kèm theo Giấy phép môi trường số 70 /GPMT-STNMT-KSONMT ngày 25/02/2025
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tiếp tục thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
5. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của đơn vị quản lý hệ thống thoát nước của Thành phố theo quy định của pháp luật.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
7. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường./.